

Số: **305**/BC-SKH-KTN

Quảng Trị, ngày **10** tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

**Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
và thẩm định nguồn vốn danh mục công trình hỗ trợ xã đạt chuẩn nông
thôn mới năm 2018 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.**

Kính gửi: UBND tỉnh Quảng Trị.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được tờ trình số 121/TTr-VPĐP ngày 17/7/2018 của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh về việc đề xuất chủ trương đầu tư các công trình hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và nguồn vốn đầu tư danh mục các công trình hỗ trợ các xã đạt chuẩn năm 2018 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh (tờ trình số 121/TTr-VPĐP ngày 17/7/2018).

2. Danh mục đề xuất chủ trương đầu tư của các công trình khởi công mới năm 2018 của UBND các huyện: Gio Linh (văn bản số 780/UBND-TH ngày 05/7/2018), Vĩnh Linh (văn bản số 843/UBND-NN ngày 09/7/2018), Hải Lăng (văn bản số 548/UBND-TH ngày 05/7/2018), Hướng Hóa (văn bản số 660/UBND-TCKH ngày 29/6/2018), Triệu Phong (văn bản số 1791/UBND-NTM ngày 17/7/2018), Cam Lộ (văn bản số 20/VPĐP ngày 06/7/2018).

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

- Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công;

- Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020;

- Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Văn bản số 2467/UBND-NN ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh về việc thống nhất hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018;

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH:

1. Đơn vị chủ trì thẩm định : Sở Kế hoạch và Đầu tư

2. Đơn vị phối hợp thẩm định: VPĐP Chương trình nông thôn mới tỉnh, UBND các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Cam Lộ, Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng.

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ ĐẠT CHUẨN NĂM 2018 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

I. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN:

1. Tên báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Chủ trương đầu tư danh mục các công trình hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

2. Dự án nhóm: C quy mô nhỏ

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: UBND tỉnh.

5. Chủ đầu tư: UBND các xã Cam Tuyền, Tân Thành, Vĩnh Chấp, Linh Hải, Trung Sơn, Triệu Giang, Hải Vĩnh, Hải Dương.

6. Địa điểm thực hiện dự án: các xã Cam Tuyền (huyện Cam Lộ), Tân Thành (huyện Hướng Hóa), Vĩnh Chấp (huyện Vĩnh Linh), Linh Hải, Trung Sơn (huyện Gio Linh), Triệu Giang (huyện Triệu Phong), Hải Vĩnh, Hải Dương (huyện

Hải Lăng).

7. Dự kiến tổng mức đầu tư : 9.519.730.000 đồng (chín tỷ, năm trăm mười chín triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng)

8. Thời gian thực hiện: năm 2018 – 2019.

9. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng số:	9.519,73 triệu đồng
Trong đó: - Ngân sách Trung ương/NS tỉnh:	5.842,00 triệu đồng
- Vốn do nhân dân đóng góp	3.527,73 triệu đồng
- Các nguồn khác:	150,00 triệu đồng

II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH:

1. Sự phù hợp với các tiêu chí xác định đối tượng hỗ trợ:

Dự án thuộc đối tượng đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới được quy định tại quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Sự tuân thủ các quy định pháp luật trong nội dung hồ sơ trình:

Hồ sơ trình bao gồm: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư danh mục các công trình hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Nội dung hồ sơ trình đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật liên quan: Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020; Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh Ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

3. Nội dung của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

3.1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

a. Sự cần thiết đầu tư.

Năm 2018, có 10 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới đã được UBND tỉnh thống nhất hỗ trợ tại văn bản số 2467/UBND-NN ngày 13/6/2018. Nhu cầu hỗ trợ cho các xã để đạt chuẩn là 22.621 triệu đồng, trong đó, kế hoạch vốn năm 2018 đã phân bổ cho 10 xã là 16.179 triệu đồng (tại quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 08/3/2018), đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 08/5/2018. Số vốn còn lại cần bổ sung là 6.442 triệu đồng. Việc đầu tư các công trình hỗ trợ các xã để đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 theo kế hoạch là cần thiết.

b. Các điều kiện để thực hiện đầu tư

Đảm bảo đúng với mục tiêu của chương trình theo quy định tại Nghị quyết số 100/2015/QH13, đó là tập trung ưu tiên đầu tư đối với các tiêu chí chưa đạt chuẩn để đạt chuẩn trong năm 2018.

Các dự án đầu tư trên địa bàn phải phù hợp với quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c. Sự phù hợp với chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được sử dụng để đầu tư các dự án trên địa bàn các xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Các danh mục dự án đầu tư đều tập trung vào việc hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới như giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa, trường học. Do đó, các danh mục dự án đều phù hợp với nội dung, mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; xây dựng xã hội nông thôn có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh, trật tự được giữ vững.

3.2 Danh mục dự án:

Danh mục công trình khởi công mới năm 2018 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đáp ứng khoản b, mục 2 của Nghị quyết 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ: (i) Thuộc nội dung đầu tư của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, (ii) tổng mức đầu tư dưới 15,0 tỷ đồng và kỹ thuật không phức tạp; (iii) sử dụng một phần ngân sách nhà nước, phần còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân.

3.3. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư:

a. Mục tiêu đầu tư: xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng cần thiết, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của các xã góp phần hoàn thiện 19 tiêu chí của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b. Quy mô đầu tư: phù hợp với nhu cầu và khả năng cân đối nguồn vốn.

c. Địa điểm đầu tư: các xã Trung Hải, Gio Bình, Linh Hải, Triệu Giang, Tân Thành, Cam Tuyền, Hải Vĩnh, Hải Dương, Vĩnh Chấp.

3.4. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư; khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

a. Tổng mức đầu tư dự kiến: **9.519,73 triệu đồng.**

b. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư:

Năm 2018, có 10 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới đã được UBND tỉnh thống nhất hỗ trợ tại văn bản số 2467/UBND-NN ngày 13/6/2018. Nhu cầu hỗ trợ cho các xã để đạt chuẩn là 22.621 triệu đồng, trong đó, kế hoạch vốn năm 2018 đã phân bổ cho 10 xã là 16.179 triệu đồng (tại quyết định số 484/QĐ-UBND ngày 08/3/2018), đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 08/5/2018. Số vốn còn lại cần bổ sung là 6.442 triệu đồng, đã được UBND tỉnh thống nhất hỗ trợ từ kế hoạch vốn năm 2019 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (nguồn vốn ngân sách địa phương hỗ trợ xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

3.5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện: Năm 2018-2019.

3.6. Xác định chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

Chi phí quản lý vận hành, khai thác sử dụng: ngân sách chi thường xuyên của đơn vị hưởng lợi; Chi phí duy tu bảo dưỡng công trình: nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và vốn do nhân dân đóng góp.

3.6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

a. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội

Các công trình và hạng mục công trình có quy mô nhỏ, nhằm phục vụ trực tiếp cho người dân, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng do UBND các xã tự thực hiện bằng cách thuyết phục dân hiến đất, hiến cây và thỏa thuận GPMB nếu có. Các hạng mục khi hoàn thành phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt cho người dân của các xã.

b. Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội

- Hoàn thiện các công trình hạ tầng cơ bản thật sự cần thiết cho sản xuất và dân sinh của các xã góp phần hoàn thiện 19 tiêu chí của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Việc áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù sẽ góp phần giảm chi phí đầu tư xây dựng công trình, rút ngắn thời gian thực hiện, nâng cao hiệu quả chất lượng công trình, đồng thời phát huy vai trò của người dân trong việc tham gia giám sát, thi công đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn.

3.7. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

- Cơ quan lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh.

- Cơ quan chủ đầu tư: UBND các xã có công trình.

- Cơ quan thực hiện quản lý, khai thác và duy tu, bảo dưỡng: UBND các xã có công trình.

III. KẾT LUẬN:

Theo quy định của Nghị quyết 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ, các dự án khởi công mới thuộc các Chương trình MTQG đáp ứng các điều kiện: (i) Thuộc nội dung đầu tư của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, (ii) tổng mức đầu tư dưới 15,0 tỷ đồng và kỹ thuật không phức tạp; (iii) sử dụng một phần ngân sách nhà nước, phần còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn vốn khác, có sự tham gia thực hiện và giám sát của người dân do UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định nguồn vốn và phê duyệt chủ trương đầu tư cho toàn bộ danh mục dự án. Vì vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh Phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục các công trình hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh như theo biểu đính kèm.

Vậy, kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Sở NN-PTNT;
- VPĐP Chương trình NTM tỉnh;
- GD, PGD Nguyễn Huy;
- Lưu: VT, KTN(NL)2b.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Huy

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ CÁC XÃ ĐĂNG KÝ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018

(Kèm theo Báo cáo số 305 /BC-SKH-KTN ngày 10 /8/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

DVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Thời gian KC-HT	TMĐT	Trong đó					Ghi chú
							NSTW, NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Dân đóng góp	Nguồn khác	
	Tổng					9.519,73	5.842,00	-	-	3.527,73	150,00	
1	Xã Trung Hải					3.472,1	1.908	-	-	1.564,1	-	
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn Xuân Hòa, xã Trung Hải	UBND xã Trung Hải	xã Trung Hải	850m	2018	686	343			343		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn Xuân Long, xã Trung Hải	UBND xã Trung Hải	xã Trung Hải	450m	2018	356	178			178		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn Xuân Mỹ, xã Trung Hải	UBND xã Trung Hải	xã Trung Hải	780m	2018	626	313			313		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn Cao Xá, xã Trung Hải	UBND xã Trung Hải	xã Trung Hải	290m	2018	234	117			117		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn Hải Chử, xã Trung Hải	UBND xã Trung Hải	xã Trung Hải	1.130m	2018	904	452			452		
	Trường mầm non xã Trung Hải (Hạng mục: nhà vệ sinh cho giáo viên, nhà bảo vệ)	UBND xã Trung Hải	xã Trung Hải	40m2	2018	212	170			42		
	Trường THCS xã Trung Hải (Hạng mục: sân thể thao)	UBND xã Trung Hải	xã Trung Hải	1000m2	2018	313	250			62,5		

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Thời gian KC-HT	TMĐT	Trong đó					Ghi chú
							NSTW, NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Dân đóng góp	Nguồn khác	
	Trung tâm học tập cộng đồng thôn Bách Lộc, xã Trung Hải (Hạng mục: sân trung tâm)	UBND xã Trung Hải	xã Trung Hải	500m ²	2018	142	85			56,6		
2	Xã Gio Bình					566	300	-	-	266	-	
	Điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi xã Gio Bình (Hạng mục: Sân khấu ngoài trời)	UBND xã Gio Bình	xã Gio Bình	122m ²	2018	166	100			66		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Tân Lịch, xã Gio Bình	UBND xã Gio Bình	xã Gio Bình	500m	2018	400	200			200		
3	Xã Linh Hải					616	308	-	-	308	-	
	Đường bê tông liên thôn Hải Thi - Hải Hòa, xã Linh Hải	UBND xã Linh Hải	xã Linh Hải	172m	2018	119,2	59,6			59,6		
	Đường bê tông trục chính thôn Thiệu Nhân, xã Linh Hải	UBND xã Linh Hải	xã Linh Hải	352m	2018	242,9	121,44			121,44		
	Đường bê tông trục chính thôn Xuân Tây, xã Linh Hải	UBND xã Linh Hải	xã Linh Hải	368m	2018	253,9	126,96			126,96		
4	Xã Triệu Giang					569	377	-	-	192	-	
	Xây dựng khán đài khu thể dục thể thao xã Triệu Giang (Hạng mục: sân khấu, hệ thống điện cho khán đài)	UBND xã Triệu Giang	xã Triệu Giang	110m ²	2018	357	250			107		

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Thời gian KC-HT	TMDT	Trong đó					Ghi chú
							NSTW, NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Dân đóng góp	Nguồn khác	
	Điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi xã Triệu Giang (Hạng mục: đắp mặt bằng, ghề đá, cây xanh và thiết bị)	UBND xã Triệu Giang	xã Triệu Giang	500m ²	2018	212	127			85		
5	Xã Tân Thành					1.052,63	1.000	-	-	52,63	-	
	Đường vào khu sản xuất thôn Bích La Trung, xã Tân Thành	UBND xã Tân Thành	xã Tân Thành	1000m	2018	1.052,63	1.000			52,63		
6	Xã Cam Tuyền					690	552	-	-	138	-	
	Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Mỹ, xã Cam Tuyền	UBND xã Cam Tuyền	Xã Cam Tuyền	237m	2018	157,5	126			31,5		
	Trường tiểu học Kim Đồng, xã Cam Tuyền (Hạng mục: lát gạch sân trường)	UBND xã Cam Tuyền	Xã Cam Tuyền	350m ²	2018	375,0	300			75		
	Đường giao thông nông thôn thôn Tân Quang, xã Cam Tuyền	UBND xã Cam Tuyền	Xã Cam Tuyền	237m	2018	157,5	126			31,5		
7	Xã Hải Vĩnh					600	300	-	-	300	-	
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Lam Thủy, xã Hải Vĩnh	UBND xã Hải Vĩnh	Xã Hải Vĩnh	130m	2018	86	43			43		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Thi Ông, xã Hải Vĩnh	UBND xã Hải Vĩnh	Xã Hải Vĩnh	525m	2018	348	174			174		

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Quy mô	Thời gian KC-HT	TMĐT	Trong đó					Ghi chú
							NSTW, NS tỉnh	NS huyện	NS xã	Dân đóng góp	Nguồn khác	
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Thuận Nhơn, xã Hải Vĩnh	UBND xã Hải Vĩnh	Xã Hải Vĩnh	250m	2018	166	83			83		
8	Xã Hải Dương					600	420	-	-	30	150	
	Khu thể thao xã Hải Dương (hạng mục: khán đài và sân lấp mặt bằng)	UBND xã Hải Dương	Xã Hải Dương	1500m ²	2018	600	420			30	150	
9	Xã Vĩnh Cháp					1.354	677	-	-	677	-	
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Lai Bình, xã Vĩnh Cháp	UBND xã Vĩnh Cháp	Xã Vĩnh Cháp	300m	2018	200	100			100		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Tây Sơn, xã Vĩnh Cháp	UBND xã Vĩnh Cháp	Xã Vĩnh Cháp	600m	2018	400	200			200		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Mỹ Lộc, xã Vĩnh Cháp	UBND xã Vĩnh Cháp	Xã Vĩnh Cháp	600m	2018	400	200			200		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn thôn Bắc Phú, xã Vĩnh Cháp	UBND xã Vĩnh Cháp	Xã Vĩnh Cháp	200m	2018	160	80			80		
	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn cụm Khe Lầu, xã Vĩnh Cháp	UBND xã Vĩnh Cháp	Xã Vĩnh Cháp	285m	2018	194	97			97		

Ghi chú: Xã Hải Thọ đã được phê duyệt CTĐT tại QĐ số 934/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của UBND tỉnh.